Thương mại của Indonesia và hàm ý cho Việt Nam

Trương Quang Hoàn[1]

[1] Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: quanghoan2310@gmail.com

Nhận ngày 20 tháng 9 năm 2018. Chấp nhận đăng ngày 12 tháng 1 năm 2019.

Tóm tắt: Thương mại quốc tế của Indonesia đã phục hồi nhanh chóng, sau khủng hoảng tài chính Châu Á (1997-1998), nhưng những năm gần đây lại giảm mạnh. Hoạt động thương mại quốc tế của Indonesia ngày càng chịu ảnh hưởng từ Trung Quốc và các quốc gia khu vực Đông Á khác. Mặc dù Indonesia đã nỗ lực đa dạng hóa các mặt hàng, nhưng cơ cấu xuất khẩu vẫn phụ thuộc vào nhóm sản phẩm thâm dụng tài nguyên, lao động và trình độ công nghệ thấp. Từ kinh nghiệm của Indonesia, Việt Nam cần điều chỉnh các chính sách và chiến lược phù hợp nhằm thực hiện cải cách thương mại sâu rộng hơn.

Từ khóa: Tài chính, thương mại, Indonesia, Việt Nam.

Phân loại ngành: Kinh tế học

Abstract: Indonesia's international trade has recovered quickly after the Asian financial crisis (1997-1998), but in recent years it has sharply decreased. The country's international trade activities are under the increasing impact of China and other East Asian nations. Although Indonesia has made efforts to diversify its products, its export structure still depends on a group of products that are resource- and labour-intensive and of low technological standards. Studying Indonesia's experience, Vietnam needs to adjust its policies and strategies to carry out deeper and more widespread trade reforms.

Keywords: Finance, trade, Indonesia, Vietnam.

Subject classification: Economics

1. Mở đầu

Cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á, bắt đầu từ Thái Lan vào tháng 7/1997, đã nhanh chóng lan sang Indonesia. Sự mất cân bằng trong tài khoản vãng lai, nợ nước ngoài tăng lên, việc định giá đồng nội tệ rupiah quá cao so với giá trị thực, hệ thống

ngân hàng yếu kém, hoạt động sản xuất, kinh doanh của khu vực tư nhân phụ thuộc quá nhiều vào nợ ngắn hạn, là những nguyên nhân chính dẫn đến sự sụp đổ của nền kinh tế Indonesia [2]. Việc điều hành chính phủ theo chế độ gia đình trị của Tổng thống Suharto diễn ra trong một thời gian dài, sự thiếu minh bạch của tầng lớp lãnh đạo và việc quản lý đất nước đã làm gia tăng tình trạng tham nhũng, làm xói mòn lòng tin của khu vực doanh nghiệp trong và ngoài nước đối với triển vọng phát triển kinh tế [1]. Để khắc phục hậu quả của khủng hoảng, Indonesia đã đưa ra nhiều cải cách thương mại, đầu tư quan trọng, góp phần phục hồi lĩnh vực ngoại thương. Bài viết này tìm hiểu hoạt động thương mại quốc tế của Indonesia từ sau khủng hoảng tài chính Châu Á đến nay và hàm ý cho Việt Nam.

2. Kim ngạch xuất khẩu và nhập khẩu của Indonesia sau khủng hoảng tài chính Châu Á

Sau khủng hoảng tài chính Châu Á, xuất khẩu của Indonesia ra thế giới tăng trưởng liên tục, lên đến xấp xỉ 140 tỷ USD (năm 2008), trước khi giảm mạnh xuống gần 120 tỷ USD (năm 2009) do tác động của khủng hoảng kinh tế toàn cầu. Xuất khẩu của Indonesia sau đó phục hồi và kéo dài đến năm 2012. Từ năm 2013 đến nay, xuất khẩu của nước này lại suy giảm nhanh chóng do sự đi xuống của giá các mặt hàng năng lượng quốc tế quan trọng như dầu mỏ và than đá. Trong các quốc gia Đông Nam Á, Indonesia và Malaysia có sự sụt giảm mạnh nhất về kim ngạch xuất khẩu. Xuất khẩu của Thái Lan suy giảm với mức độ thấp hơn còn xuất khẩu của Philippines gần như giữ nguyên [11].

Giá trị nhập khẩu hàng hóa của Indonesia gia tăng mạnh mẽ, từ 81 tỷ USD năm 2000 lên tới gần 200 tỷ USD năm 2012, sau đó liên tục suy giảm (xuống mức 135 tỷ USD vào năm 2016). Trong khu vực Đông Nam Á, tình trạng nhập khẩu bị thu hẹp thời gian qua cũng xảy ra đối với các nền kinh tế Thái Lan và Malaysia; trái lại, Philippines, và đặc biệt là Việt Nam tăng đáng kể nhập khẩu [11].

Về cán cân thương mại hàng hóa, trừ giai đoạn 2012-2014, Indonesia luôn đạt được thặng dư thương mại với các nước khác. Thặng dư thương mại của Indonesia thâm hụt 1,8 tỷ USD năm 2014; 7,6 tỷ USD năm 2015; 9,1 tỷ USD năm 2016 [11]. Nguyên nhân của tình trạng thâm hụt này chủ yếu là vì nhập khẩu giảm mạnh hơn xuất khẩu.

Sự sụt giảm nhanh của cả xuất khẩu và nhập khẩu khiến độ mở thương mại (tỷ trọng kim ngạch thương mại quốc tế) của Indonesia giảm mạnh từ trên 60% năm 2000 xuống 39% năm 2010 và 30% năm 2016 [11].

Thương mại quốc tế ngày càng ít quan trọng đối với nền kinh tế Indonesia. Điều tương tự cũng diễn ra với kinh tế Malaysia và Thái Lan. Trái với bức tranh chung của các quốc gia Đông Nam Á, thương mại quốc tế ngày càng đóng vai trò quan trọng đối với Việt Nam. Bên cạnh những tác động từ thị trường quốc tế, thực tế trên cũng nói lên sự khác biệt trong cách thức phát triển kinh tế của các quốc gia Đông Nam Á. Các nền kinh tế như Indonesia, Thái Lan và Malaysia có xu hướng tập trung nhiều hơn vào các hoạt động kinh tế trong nước như tiêu dùng và đầu tư tư nhân, trong khi đó,

với chính sách thúc đẩy hội nhập quốc tế, kinh tế Việt Nam ngày càng phụ thuộc vào hoạt động thương mại và đầu tư quốc tế.

3. Thị trường xuất khẩu và nhập khẩu của Indonesia sau khủng hoảng tài chính Châu Á

Hoạt động thương mại quốc tế của Indonesia ngày càng tập trung vào các quốc gia thuộc khu vực Đông Á, với tỷ trọng trên tổng kim ngạch thương mại tăng từ 50% lên hơn 60% trong gần hai thập niên qua. Năm 1998, các quốc gia xuất khẩu và nhập khẩu lớn nhất của Indonesia là Nhật Bản, Singapore, Trung Quốc, Hoa Kỳ, Australia, Đức, Hà Lan. Tuy nhiên, đến năm 2016, ngoại trừ Hoa Kỳ và Hà Lan, các đối tác xuất khẩu hàng đầu của Indonesia là các nước Châu Á, nhất là các quốc gia thuộc khu vực Đông Á. Đặc biệt, Trung Quốc ngày càng trở thành đối tác thương mại quan trọng hàng đầu của Indonesia. Từ vị trí thứ 6, Trung Quốc đã vươn lên thành đối tác xuất khẩu hàng hóa lớn nhất của Indonesia, vượt qua cả Hoa Kỳ và Nhật Bản. Trung Quốc đã vượt Nhật Bản để trở thành đối tác cung cấp hàng hóa quan trọng nhất cho Indonesia, với tỷ trọng trên tổng kim ngạch nhập khẩu của Indonesia lên tới 22,7% vào năm 2016, so với vị trí thứ 8 và tỷ trọng chỉ 3,3% của năm 1998. Tầm quan trọng của các quốc gia Đông Á với tư cách nguồn cung cấp hàng hóa cho Indonesia cũng ngày càng rõ nét hơn, chiếm tỷ lệ lên đến trên 60% năm 2016, cao hơn tới 5 lần tổng tỷ trọng nhập khẩu của Indonesia từ các nước ngoài khu vực Đông Á, bao gồm Hoa Kỳ, Australia và Đức [12].

Cơ cấu thị trường xuất khẩu của Indonesia có sự biến đổi lớn trong hai thập niên qua (theo mức độ phát triển kinh tế của thị trường đối tác). Tỷ trọng xuất khẩu sang các nền kinh tế phát triển giảm mạnh (từ 60% năm 1995 xuống 37% năm 2015). Nhóm các nền kinh tế đang phát triển ngày càng giữ vị trí quan trọng đối với thị trường xuất khẩu của Indonesia. Tỷ trọng của nhóm này tăng từ 40% lên 62% giai đoạn 1995-2015, và bắt đầu trở thành thị trường xuất khẩu quan trọng nhất của Indonesia kể từ năm 2006 đến nay. Trong khi đó, cùng thời kỳ này, tỷ trọng xuất khẩu sang nhóm các nền kinh tế chuyển đổi trên tổng xuất khẩu ra bên ngoài của Indonesia không có nhiều thay đổi và chỉ chiếm tỷ lệ rất nhỏ (xem hình 1).

Trước năm 2000, các nền kinh tế phát triển là nguồn cung ứng hàng hóa quan trọng nhất cho Indonesia, nhưng sau đó, tỷ trọng của nhóm này ngày càng đi xuống (chỉ còn 26% vào năm 2015). Ở chiều ngược lại, tỷ trọng của nhóm các nền kinh tế đang phát triển tăng mạnh (từ 45% năm 1998 lên 72% năm 2015) và chính thức vượt qua nhóm các nền kinh tế phát triển để trở thành thị trường Indonesia nhập khẩu lớn nhất từ năm 2000 đến nay. Trong khi đó, tỷ trọng của các nền kinh tế chuyển đổi trên tổng nhập khẩu của Indonesia từ thế giới luôn rất thấp (xem hình 2).

Những biến động về cơ cấu thị trường xuất khẩu và nhập khẩu của Indonesia xuất phát từ hai nguyên nhân. Thứ nhất, các nền kinh tế đang phát triển, đặc biệt là Trung Quốc, Ấn Độ, Malaysia và Thái Lan, ngày càng trở thành đối tác thương mại quan trọng hàng đầu của Indonesia qua hai thập niên gần đây. Thứ hai, mức độ quan trọng của các nền kinh tế phát triển như Nhật Bản, Hoa Kỳ, Đức và Australia đối với thương mại quốc tế của Indonesia lại có xu hướng giảm mạnh giai đoạn này.

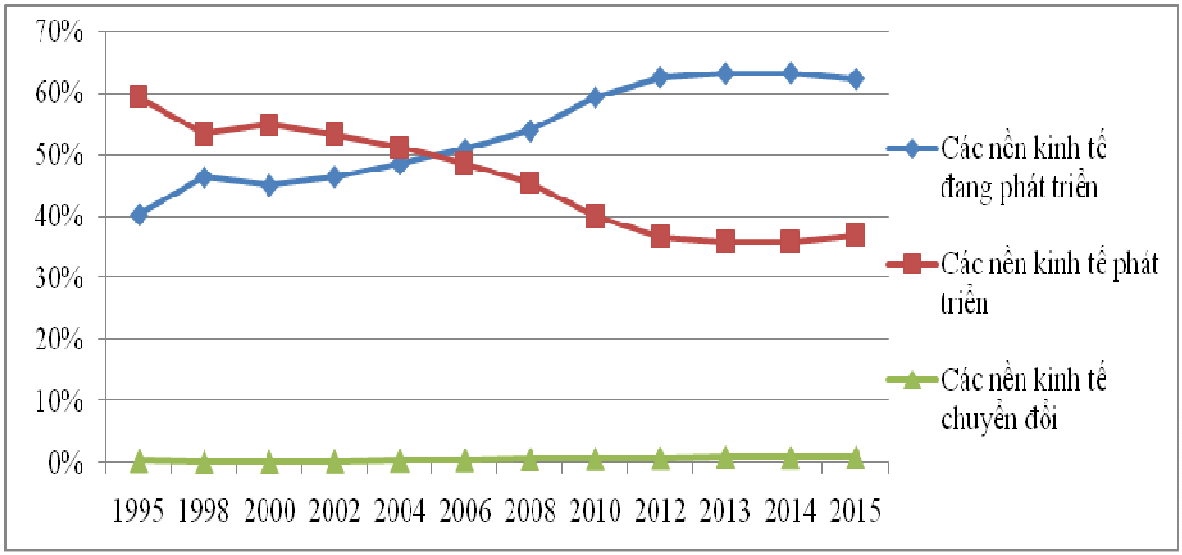

Hình 1: Xuất khẩu của Indonesia theo trình độ phát triển kinh tế của thị trường đối tác
Nguồn: Tổng hợp và tính toán của tác giả dựa trên dữ liệu của Hội nghị Liên Hợp Quốc về thương mại và phát triển (UNCTAD).

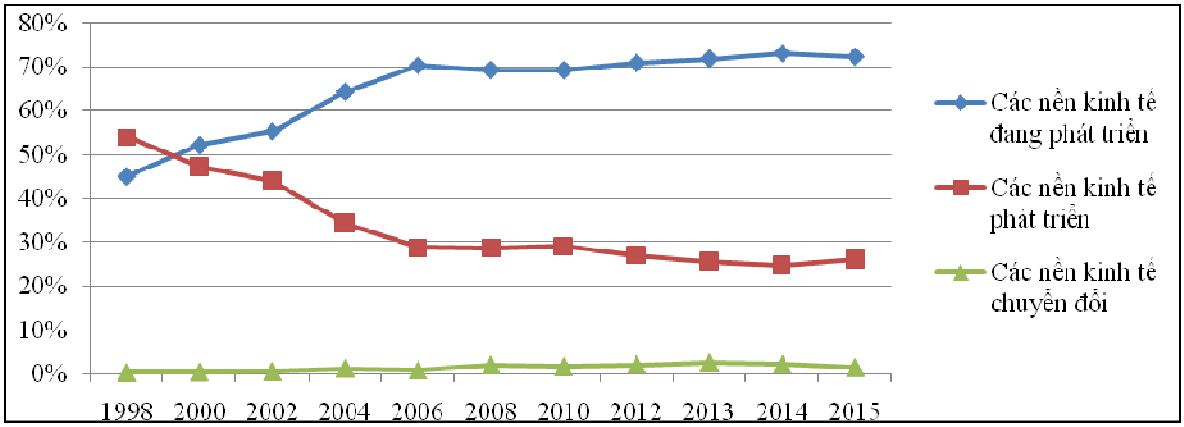

Hình 2: Nhập khẩu của Indonesia theo trình độ phát triển kinh tế của thị trường đối tác
Nguồn: Tổng hợp và tính toán của tác giả dựa trên dữ liệu của (UNCTAD).

4. Hàng hóa xuất khẩu và nhập khẩu của Indonesia sau khủng hoảng tài chính Châu Á

Năm 1998, cơ cấu xuất khẩu của Indonesia chủ yếu là nhóm hàng hóa thâm dụng tài nguyên thiên nhiên như khí ga, dầu thô và các sản phẩm gỗ. Trong 10 nhóm hàng xuất khẩu hàng đầu còn bao gồm các sản phẩm giày dép, nhựa cao su. Đến năm 2016, các mặt hàng sử dụng nhiều tài nguyên và lao động phổ thông vẫn chi phối cấu trúc xuất khẩu hàng hóa của Indonesia. Trong 10 nhóm hàng xuất khẩu hàng đầu đã xuất hiện sản phẩm đòi hỏi trình độ kỹ thuật và kỹ năng lao động cao hơn. Ngoài ra, cơ cấu xuất khẩu của Indonesia có xu hướng đa dạng hóa hơn, thể hiện qua tỷ trọng 10 nhóm hàng xuất khẩu hàng đầu trên tổng xuất khẩu (bảng 1).

Bảng 1: 10 nhóm hàng xuất khẩu hàng đầu của Indonesia các năm 1998 và 2016

1998				2016			
Mã hàng	Hàng hóa	Giá trị (triệu USD)	Tỷ trọng (%)	Mã hàng	Hàng hóa	Giá trị (triệu USD)	Tỷ trọng (%)
931	Hàng hóa, giao dịch đặc biệt, không phân loại	7.548,2	15,45	424	Dầu thực vật, thô hoặc đã qua xử lý	17.094,7	11,83
341	Khí ga tự nhiên và nhân tạo	3.815,5	7,81	322	Than đá, than non và than bùn	14.511,1	10,04
333	Dầu thô và dầu chiết xuất từ khoáng sản	3.348,6	6,86	341	Khí ga tự nhiên và nhân tạo	7.036,8	4,87
634	Gỗ và các sản phẩm từ gỗ	2.207,2	4,52	333	Dầu thô và dầu chiết xuất từ khoáng sản	5.196,7	3,60
897	Vàng, bạc, trang sức và nguyên liệu quý khác	1.660,1	3,40	851	Giày dép	4.525,8	3,13
287	Quặng và các chất kim loại khác	1.453,3	2,98	287	Quặng và các chất kim loại khác	4.225,7	2,92
322	Than đá, than non và than bùn	1.346,6	2,76	897	Vàng, bạc, trang sức và nguyên liệu quý khác	4.113,0	2,85
641	Giấy và bìa cứng	1.211,9	2,48	232	Nhựa cao su tự nhiên, cao su và chất gôm	3.439,6	2,38
851	Giày dép	1.156,7	2,37	641	Giấy và bìa cứng	3.056,7	2,12
424	Dầu thực vật, thô hoặc đã qua xử lý	1.152,1	2,36	781	Các phương tiện ô tô vận chuyển khách (trừ xe buýt)	2.561,8	1,77
232	Nhựa cao su tự nhiên, cao su và chất gôm	1.106,3	2,26	845	Quần áo len khoác ngoài	2.294,1	1,59
	Tổng	26.006,4	53,24		Tổng	68.056,1	47,10

Nguồn: Tổng hợp và tính toán của tác giả từ Dữ liệu thương mại của Liên Hợp Quốc (UN Comtrade)

Nhóm 10 mặt hàng Indonesia nhập khẩu năm 1998 bao gồm: các sản phẩm thâm dụng tài nguyên (như dầu thô và các sản phẩm từ dầu); các mặt hàng nông nghiệp (như gạo, lúa mỳ), các nhóm hàng chế tạo (như máy móc, trang thiết bị công nghiệp). Đến năm 2016, trong 10 nhóm hàng nhập khẩu hàng đầu, tuy vẫn có nhóm hàng hóa năng lượng đã qua chế biến, nhưng đã bao gồm nhiều sản phẩm công nghiệp chế tạo hơn (như: trang thiết bị viễn thông, điện năng phục vụ cho hoạt động sản xuất của Indonesia). Tỷ trọng 10 nhóm hàng nhập khẩu lớn nhất trên tổng nhập khẩu của Indonesia không có sự biến đổi đáng kể giai đoạn này - khoảng 30%, thấp hơn nhiều tỷ trọng 10 nhóm hàng xuất khẩu lớn nhất (xem Bảng 2).

Bảng 2: 10 nhóm hàng Indonesia nhập khẩu nhiều nhất các năm 1998 và 2016

1998				2016			
Mã hàng	Hàng hóa	Giá trị (triệu USD)	Tỷ trọng (%)	Mã hàng	Hàng hóa	Giá trị (triệu USD)	Tỷ trọng (%)
334	Các sản phẩm từ dầu	1.611,6	5,90	334	Các sản phẩm từ dầu	10.077,8	7,43
333	Dầu thô và dầu chiết xuất từ các khoáng sản	1.058,3	3,87	333	Dầu thô và dầu chiết xuất từ các khoáng sản	6.730,5	4,96
42	Gạo	861,1	3,15	764	Trang thiết bị viễn thông	5.507,0	4,06
728	Máy móc, trang thiết bị các ngành công nghiệp chuyên biệt	827,8	3,03	583	Sản phẩm hóa học được polime hóa	3.999,1	2,95
263	Bông	763,7	2,79	784	Trang thiết bị ô tô	2.627,8	1,94
724	Máy dệt và máy thuộc da thuộc và phụ tùng đi kèm	731,5	2,68	081	Thức ăn cho động vật	2.481,4	1,83
41	Lúa mì	630,4	2,31	772	Dụng cụ chuyển đổi, bảo vệ các mạch điện	2.442,5	1,80
251	Giấy báo đã qua sử dụng	612,8	2,24	672	Thỏi và các dạng nguyên sinh khác của thép và sắt	2.417,9	1,78
723	Trang thiết bị của nhà máy dân dụng và nhà thầu	610,7	2,23	041	Lúa mì	2.408,2	1,78
749	Linh kiện và phụ tùng máy móc phi điện năng	530,9	1,94	061	Đường và mật ong	2.314,9	1,71
	Tổng	8.238,7	30,14		Tổng	41.007,0	30,23

Nguồn: Tổng hợp và tính toán của tác giả từ UN Comtrade

5. Hàm ý cho Việt Nam

Sau cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á, trong lĩnh vực thương mại, nhiều biện pháp cải cách được Indonesia thực hiện, bao gồm: giảm thuế nhập khẩu; dỡ bỏ các hạn chế về đầu tư thuộc lĩnh vực bán buôn, bán lẻ; cải cách thủ tục hải quan và tham gia vào các thỏa thuận thương mại song phương và đa phương khu vực. Kết quả là, khu vực xuất khẩu của Indonesia nhìn chung đã phục hồi tương đối nhanh sau khủng hoảng tài chính Châu Á. Những kinh nghiệm đương đầu với các cú sốc bất lợi bên ngoài trong quá khứ phần nào giúp cho hoạt động thương mại quốc tế của Indonesia không phải chịu ảnh hưởng quá lớn của cuộc khủng kinh tế thế giới 2008-2009.

Hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của Indonesia liên tục đi xuống những năm gần đây, điều này cho thấy những yếu kém căn bản của khu vực thương mại nước này. Do cơ cấu thương mại của Indonesia quá phụ thuộc vào xuất khẩu các nhóm hàng thâm dụng tài nguyên, lao động giản đơn, nên khi

giá hàng hóa năng lượng quốc tế giảm mạnh đã có những tác động tiêu cực đến trao đổi thương mại của Indonesia với bên ngoài. Trong khi đó, tỷ trọng trao đổi thương mại nội ngành đối với nhóm hàng công nghiệp thâm dụng công nghệ cao, lao động kỹ năng và giá trị gia tăng lớn của Indonesia vẫn còn khiêm tốn và thấp hơn nhiều quốc gia láng giềng Đông Nam Á như Malaysia, Thái Lan và Philippines. Ngoài ra, cơ cấu thương mại ngày càng tập trung vào đối tác Trung Quốc, một mặt, giúp Indonesia đẩy mạnh xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu hàng hóa tăng lên của đất nước đông dân nhất thế giới, nhưng mặt khác, tăng trưởng kinh tế và nhu cầu thị trường nội địa Trung Quốc giảm sút kéo theo những ảnh hưởng tiêu cực đến doanh thu xuất khẩu của Indonesia. Thực tế này phần nào phản ánh năng lực sản xuất và xuất khẩu của các doanh nghiệp Indonesia còn nhiều hạn chế khi thị trường thế giới biến động. Indonesia vẫn chủ yếu có lợi thế sản xuất nhóm hàng hóa thâm dụng tài nguyên và lao động giản đơn. Trong khi đó, một số quốc gia Đông Nam Á khác như Malaysia, Thái Lan, Philippines hay Việt Nam đã có lợi thế so sánh xuất khẩu với nhóm hàng máy móc và thiết bị điện, điện tử cũng như phương tiện vận tải.

Việt Nam là nước có trình độ phát triển kinh tế thấp hơn Indonesia, song những năm qua Việt Nam cũng đã đạt được các bước tiến đáng khích lệ trong hội nhập kinh tế quốc tế. Điều này thể hiện qua việc Việt Nam tích cực tham gia đàm phán và ký kết nhiều thỏa thuận thương mại tự do song phương và đa phương. Tuy nhiên, hoạt động thương mại quốc tế của Việt Nam cũng gặp nhiều khó khăn, hạn chế giống như những gì mà Indonesia đã và đang trải qua, đặc biệt là cơ cấu xuất khẩu vẫn phụ thuộc vào khai thác các nguồn tài nguyên thiên nhiên và lợi thế chi phí lao động giá rẻ. Từ việc nghiên cứu hoạt động thương mại quốc tế của Indonesia, Việt Nam có thể rút ra một số bài học kinh nghiệm sau đây.

Thứ nhất, Việt Nam không nên quá tập trung vào thị trường Trung Quốc (tăng trưởng kinh tế Trung Quốc suy giảm đã tác động tiêu cực đến thương mại của Indonesia). Đa dạng hóa thị trường xuất khẩu và nhập khẩu là cần thiết cho Việt Nam để tránh những tác động bất lợi từ sự sụt giảm nhu cầu hàng hóa và tăng trưởng kinh tế của các đối tác thương mại quan trọng. Để thực hiện đa dạng hóa, Việt Nam cần đẩy nhanh đàm phán, tiến tới ký kết và đưa vào thực thi các hiệp định, thỏa thuận ưu đãi thương mại với các thị trường lớn, tiềm năng. Nhiệm vụ này càng trở nên cấp thiết bởi các quốc gia cạnh tranh xuất khẩu với Việt Nam trong và ngoài khu vực Đông Nam Á cũng đang tích cực thúc đẩy đàm phán và ký kết các thỏa thuận ưu đãi thương mại với các thị trường trọng điểm trên.

Thứ hai, Việt Nam cần tăng cường xuất khẩu hàng hóa có hàm lượng công nghệ cao, hạn chế xuất khẩu hàng hóa ở dạng thô, hoặc hàng hóa chế biến, chế tạo có hàm lượng công nghệ thấp. Hệ quả của việc xuất khẩu hàng hóa ở dạng thô và có hàm lượng công nghệ thấp là, giá trị gia tăng trong sản phẩm xuất khẩu của Việt Nam thấp hơn nhiều khi so sánh với hàng hóa xuất khẩu của các quốc gia phát triển hơn như: Thái Lan, Malaysia hay Trung Quốc. Quá trình phát triển thương mại Indonesia những thập niên qua cho thấy, Indonesia chưa xây dựng được chiến lược, chính sách phát triển các ngành công nghiệp, sản phẩm có tiềm năng

xuất khẩu và giá trị tăng thêm lớn, mà vẫn chỉ phụ thuộc vào các ngành thâm dụng tài nguyên, lao động giản đơn có giá trị gia tăng thấp. Để tránh lặp lại tình thế của Indonesia, Việt Nam cần có chiến lược phát triển các ngành công nghiệp mũi nhọn, tạo ra giá trị gia tăng cao, đi kèm với các ưu đãi về đầu tư và thu nhập doanh nghiệp nhằm gia tăng sự hấp dẫn đối với các doanh nghiệp trong và ngoài nước; đồng thời, cần chú trọng đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu và triển khai của doanh nghiệp; đẩy nhanh tiến trình chuyển giao công nghệ từ bên ngoài, đặc biệt là những công ty đa quốc gia tới từ các nền kinh tế phát triển cho các doanh nghiệp nội địa. Song song với việc đó, Việt Nam cần dành sự ưu tiên cao nhất cho phát triển cơ sở hạ tầng công cộng, giáo dục, đào tạo phát triển nguồn nhân lực và các dịch vụ hậu cần, qua đó tạo ra những bước chuyển thực sự về năng suất lao động, hàm lượng công nghệ và khả năng cạnh tranh các sản phẩm xuất khẩu.

Thứ ba, Việt Nam cần khai thác triệt để các lợi thế so sánh trong quan hệ thương mại quốc tế (như những biến đổi trong công nghệ sản xuất; lợi thế kinh tế nhờ quy mô; vị trí ngày càng quan trọng hơn của quốc gia trong mạng lưới sản xuất khu vực; áp lực hoàn thiện sản phẩm khi giao thương với nhiều thị trường phát triển đòi hỏi cao như Hoa Kỳ, EU, Nhật Bản, Hàn Quốc; động lực cải cách thể chế, chính sách và môi trường đầu tư). Nghiên cứu trường hợp Indonesia cho thấy, quá trình cải cách thương mại và hội nhập kinh tế quốc tế chắc chắn vấp phải nhiều lực cản chính trị và lực cản của các nhóm lợi ích. Những lực cản này có thể khiến Việt Nam bỏ lỡ cơ hội hội nhập sâu rộng hơn vào thương mại toàn cầu, qua đó thúc đẩy tăng trưởng kinh tế và cải thiện thu nhập cho người dân. Để vượt qua những lực cản này, cần có sự linh hoạt, quyết tâm đủ lớn của chính phủ Việt Nam, đặc biệt là cần đối xử công bằng giữa doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp nội địa trong các hoạt động thương mại cũng như các lĩnh vực mở cửa đầu tư. Việt Nam cần coi việc cải thiện tính minh bạch, nhạy bén và tăng cường hợp tác giữa các bộ ngành liên quan trong quá trình ban hành, thực thi các chính sách cải cách thương mại là ưu tiên hàng đầu trong thời gian tới.

6. Kết luận

Chính phủ Indonesia đã thực hiện một loạt biện pháp cải cách thương mại sau cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á. Những biện pháp này giúp hoạt động thương mại của nước này phục hồi và mở rộng khá nhanh chóng. Tuy nhiên, cơ cấu thương mại của Indonesia phụ thuộc lớn vào nhóm hàng hóa tài nguyên khoáng sản, hàng công nghiệp thâm dụng lao động giản đơn và công nghệ thấp. Hoạt động ngoại thường ngày càng phụ thuộc vào thị trường Trung Quốc. Hệ quả là, khi thị trường hàng hóa năng lượng quốc tế diễn biến bất lợi và nhu cầu của nền kinh tế Trung Quốc giảm đi, thì thương mại của Indonesia phải chịu những tác động tiêu cực. Điều này cũng cho thấy những hạn chế trong năng lực cạnh tranh của hàng hóa Indonesia trên thị trường thế giới. Qua nghiên cứu trường hợp Indonesia, để thúc đẩy thương mại, cải thiện cơ cấu xuất nhập khẩu hàng hóa, Việt Nam cần vượt qua các lực cản từ những nhóm lợi ích công nghiệp khác nhau để tiến hành cải cách thương mại. Thủ tục hải quan cần nhanh gọn hơn nữa, cần đa dạng hóa thị

trường, giảm thiểu sự phụ thuộc vào một hoặc một vài thị trường cụ thể. Ngoài ra, Việt Nam cần tăng cường sự kết nối giữa khu vực doanh nghiệp nước ngoài và doanh nghiệp nội địa, chọn lựa và phát triển các ngành, sản phẩm xuất khẩu chủ lực cho từng thị trường; thực hiện các chính sách hỗ trợ tài chính hợp lý cho doanh nghiệp; đầu tư vào các chương trình giáo dục, đào tạo hướng nghiệp và phát triển cơ sở hạ tầng. Đó là những ưu tiên hàng đầu để giúp Việt Nam cải thiện năng lực cạnh tranh trên trường quốc tế.

Tài liệu tham khảo

[1] Trương Quang Hoàn (2017), *Thực trạng cơ cấu xuất nhập khẩu hàng hóa của Indonesia sau khủng hoảng tài chính tiền tệ Châu Á*, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Hà Nội.

[2] Trương Quang Hoàn (2017), "Chính sách thu hút FDI của Indonesia sau khủng hoảng tài chính tiền tệ châu Á 1997-1998", Tạp chí *Phát triển bền vững Vùng*, số 3.

[3] Aswicahyono, Bird, Hill (2009), "Making Economic Policy in Weak, Democratic, Post-crisis States: An Indonesian Case Study", *World Development*, 37(2), 354-370.

[4] Aswicahyono, Hill (2015), "Is Indonesia Trapped in the Middle?", *Discussion Paper Series*, No.31, University of Freiburg.

[5] Ing, Pangestu và Rahardja (2015), "Managing Indonesia's Trade Policy: How to Remove the Agenda?", *Macroeconomic Policies in Indonesia: Indonesian Economy since the Asian Financial Crisis of 1997*, Routledge Publication, New York.

[6] Misuzu Otsuka, Stephen Thomsen and Andrea Goldstein (2011), "Improving Indonesia's Investment Climate", *OECD Investment Insight*, Issue 1, 2011.

[7] Aung Kyaw Phyo (2012), "Policy Outcomes in Indonesia before and after Democratization", *MPA/MPP Capstone Projects*, Paper 73, Martin School of Public Policy and Administration, University of Kentucky.

[8] Soesastro và Basri (2005), "The Political Economy of Trade Policy in Indonesia", *ASEAN Economic Bulletin*, 22 (1), 3-18.

[9] Julia Puspadewi Tijaja (2013), *The Proliferation of Global Value Chains: Trade Policy Considerations for Indonesia*, Trade Knowledge Network Report, January 2013, The International Institute for Sustainable Development.

[10] https://comtrade.un.org

[11] http://unctadstat.unctad.org

[12] https://wits.worldbank.org